# Cumulative Review 4 (Units I-7)

**SBT Tiếng Anh 11 Cumulative Review 4 (Units I-7) - Friends Global**  
**Listening**  
**1. Listen to four speakers talking about memorable art exhibitions. Match speakers 1-4 with sentences A-E. There one extra sentence.**  
*(Hãy nghe bốn diễn giả nói về các cuộc triển lãm nghệ thuật đáng nhớ. Nối người nói từ 1-4 với câu A-E. Có một câu bị thừa.)*  
Speaker 1 ☐  
Speaker 2 ☐  
Speaker 3 ☐  
Speaker 4 ☐  
A He / She doesn't remember anything about the exhibition itself.  
B He / She remembers the exhibition because it was very boring.  
C He / She remembers the exhibition being rather amusing  
D He / She only remembers one of the pieces in the exhibition.  
E He / She remembers something embarrassing happening at the exhibition.  
**Phương pháp giải:**  
**Bài nghe**  
1  
I have great memories of an exhibition I saw once at Bristol Museum featuring works by the street artist Banksy. In this exhibition, the artist was allowed to use the permanent exhibits of the museum as well as showing his own work. As a result, some of the pieces made me laugh. I remember a huge stone statue of a lion in the entrance hall sitting above the hat and jacket of what you were supposed to think was its owner. The lion looked so pleased with itself you could just imagine how much it would have enjoyed that meal!  
2  
I was at an exhibition of Giacometti sculptures once – you know, the Swiss artist, whose figures are all very tall and thin. I can’t remember where it was, but I was made to feel like a criminal. There was one particular exhibit that fascinated me – it was a sculpture of his sister, Isabel, and I was trying to take a closer look at her face. Suddenly I heard a shout, and saw a guard marching towards me from the other side of the room. He told me, in a very loud voice, that I was not to go near the exhibits. All the other visitors turned around to see what was going on, which made me want to disappear. He went on to follow me all the way around the gallery, so I ended up walking out.  
3  
 I think one of the artworks that has impressed me most was something I saw in the Egyptian Museum of Berlin. A friend of mine told me I should go there to see the bust of an Ancient Egyptian queen called Nefertiti. I am so glad I took her advice. The work is well over 3,000 years old, but it is in nearly perfect condition. You can really appreciate Queen Nefertiti’s beauty, although only one of her eyes is finished. Actually, I spent all my time in the museum walking around the piece, admiring it from different angles. I didn’t bother with the other works because I only had eyes for the queen.  
4  
I remember an exhibition I went to with my family once – it was in the Prado Museum in Madrid. Actually, it would be more accurate to say I remember the lead-up to it. My mum had booked tickets months in advance, which was probably a good idea as the gallery was packed. In fact, there were so many people that I started feeling dizzy while we were waiting in the queue. Who knows what we were going to see? I certainly didn’t because I never made it through the door. Before I could faint, my dad took me off to find a doctor. That was the end of the exhibition for us, and I could tell that my mum wasn’t pleased.  
**Tạm dịch**  
*1*  
*Tôi có những kỷ niệm tuyệt vời về một cuộc triển lãm mà tôi đã từng xem ở Bảo tàng Bristol trưng bày các tác phẩm của nghệ sĩ đường phố Banksy. Trong cuộc triển lãm này, nghệ sĩ được phép sử dụng các vật trưng bày cố định của bảo tàng cũng như trưng bày tác phẩm của chính mình. Kết quả là một số đoạn đã khiến tôi bật cười. Tôi nhớ một bức tượng sư tử bằng đá khổng lồ ở tiền sảnh ngồi phía trên chiếc mũ và áo khoác của thứ mà bạn tưởng là chủ nhân của nó. Con sư tử trông rất hài lòng với chính mình, bạn có thể tưởng tượng nó sẽ thích bữa ăn đó đến mức nào!*  
*2*  
*Có lần tôi đã đến triển lãm các tác phẩm điêu khắc của Giacometti – bạn biết đấy, một nghệ sĩ người Thụy Sĩ, người có dáng người rất cao và gầy. Tôi không thể nhớ nó ở đâu nhưng tôi cảm thấy mình như một tên tội phạm. Có một cuộc triển lãm đặc biệt làm tôi thích thú – đó là tác phẩm điêu khắc của chị gái anh ấy, Isabel, và tôi đang cố gắng nhìn kỹ hơn vào khuôn mặt của cô ấy. Đột nhiên tôi nghe thấy một tiếng hét và nhìn thấy một người lính canh đang tiến về phía tôi từ phía bên kia căn phòng. Anh ấy nói với tôi bằng một giọng rất lớn rằng tôi không được đến gần các cuộc triển lãm. Tất cả những du khách khác đều quay lại để xem chuyện gì đang xảy ra, khiến tôi chỉ muốn biến mất. Anh ấy tiếp tục đi theo tôi suốt quãng đường quanh phòng trưng bày, nên cuối cùng tôi phải bước ra ngoài.*  
*3*  
 *Tôi nghĩ một trong những tác phẩm nghệ thuật khiến tôi ấn tượng nhất là thứ tôi nhìn thấy ở Bảo tàng Ai Cập ở Berlin. Một người bạn của tôi nói với tôi rằng tôi nên đến đó để xem tượng bán thân của nữ hoàng Ai Cập cổ đại tên là Nefertiti. Tôi rất vui vì đã nghe theo lời khuyên của cô ấy. Công trình này đã hơn 3.000 năm tuổi nhưng vẫn ở trong tình trạng gần như hoàn hảo. Bạn thực sự có thể đánh giá cao vẻ đẹp của Nữ hoàng Nefertiti, mặc dù chỉ có một bên mắt của bà được hoàn thiện. Thực ra, tôi đã dành toàn bộ thời gian của mình trong bảo tàng để dạo quanh tác phẩm và chiêm ngưỡng nó từ nhiều góc độ khác nhau. Tôi không bận tâm đến những tác phẩm khác vì tôi chỉ để mắt đến nữ hoàng.*  
*4*  
*Tôi nhớ có lần tôi cùng gia đình đến tham dự một cuộc triển lãm – đó là ở Bảo tàng Prado ở Madrid. Thực ra, sẽ chính xác hơn nếu nói rằng tôi nhớ phần mở đầu của nó. Mẹ tôi đã đặt vé trước nhiều tháng, đó có lẽ là một ý tưởng hay vì phòng trưng bày đã chật cứng. Trên thực tế, có quá nhiều người đến nỗi tôi bắt đầu cảm thấy chóng mặt khi xếp hàng chờ đợi. Ai biết được chúng ta sẽ thấy gì? Tôi chắc chắn không làm vậy vì tôi chưa bao giờ vượt qua được cửa. Trước khi tôi ngất đi, bố đã đưa tôi đi tìm bác sĩ. Cuộc triển lãm của chúng tôi đã kết thúc và tôi có thể nói rằng mẹ tôi không hài lòng*  
**Lời giải chi tiết:**  
  
A He / She doesn't remember anything about the exhibition itself.  
*(Anh ấy / Cô ấy không nhớ bất cứ điều gì về cuộc triển lãm.)*  
Thông tin: “Before I could faint, my dad took me off to find a doctor. That was the end of the exhibition for us, and I could tell that my mum wasn’t pleased.”  
*(Trước khi tôi ngất đi, bố đã đưa tôi đi tìm bác sĩ. Cuộc triển lãm của chúng tôi đã kết thúc như vậy và tôi có thể nói rằng mẹ tôi không hài lòng.)*  
**=> Speaker 4**  
B He / She remembers the exhibition because it was very boring.  
*(Anh ấy / Cô ấy nhớ buổi triển lãm vì nó rất nhàm chán.)*  
**=> Không có thông tin phù hợp**  
C He / She remembers the exhibition being rather amusing  
*(Anh ấy / Cô ấy nhớ cuộc triển lãm khá thú vị)*  
Thông tin: “As a result, some of the pieces made me laugh.”  
*(Kết quả là một số đoạn khiến tôi bật cười.)*  
**=> Speaker 1**  
D He / She only remembers one of the pieces in the exhibition.  
*(Anh ấy / Cô ấy chỉ nhớ được một tác phẩm trong triển lãm.)*  
Thông tin: “I didn’t bother with the other works because I only had eyes for the queen”  
*(Tôi không bận tâm đến những tác phẩm khác vì tôi chỉ để mắt đến nữ hoàng)*  
**=> Speaker 3**  
E He / She remembers something embarrassing happening at the exhibition.  
*(Anh ấy / Cô ấy nhớ lại điều gì đó đáng xấu hổ xảy ra ở buổi triển lãm.)*  
Thông tin: “He told me, in a very loud voice, that I was not to go near the exhibits. All the other visitors turned around to see what was going on, which made me want to disappear.”  
*(Anh ấy nói với tôi bằng một giọng rất lớn rằng tôi không được đến gần các buổi triển lãm. Tất cả những du khách khác đều quay lại để xem chuyện gì đang xảy ra, khiến tôi chỉ muốn biến mất.)*  
**=> Speaker 2**  
**2. Listen again. Which words or phrases helped give you the information that you needed to match the speaker with the sentences?**  
*(Nghe lại. Những từ hoặc cụm từ nào đã giúp cung cấp cho bạn thông tin bạn cần để nối người nói với câu?)*  
**Lời giải chi tiết:**  
1 made me laugh  
*(đã làm tôi cười)*  
2 made me want to disappear  
*(làm tôi muốn biến mất)*  
3 I only had eyes for the queen  
*(Tôi chỉ để mắt đến nữ hoàng)*  
4 Who knows what we were going to see?  
*(Ai biết được chúng ta sẽ thấy gì?)*  
**Speaking**  
**3. Work in pairs. You are staying with your English penfriend and want to go to an exhibition where you will learn more about British culture. Express your opinions about the three exhibitions. Which one will you go to see? Justify your choice and say why you are rejecting the other options.**  
*(Làm việc theo cặp. Bạn đang ở cùng với người bạn qua thư người Anh và muốn đi tham dự một cuộc triển lãm nơi bạn có thể tìm hiểu thêm về văn hóa Anh. Bày tỏ ý kiến của bạn về ba cuộc triển lãm. Bạn sẽ đi xem cái nào? Giải thích cho sự lựa chọn của bạn và nói lý do tại sao bạn từ chối các lựa chọn khác.)*  
  
**Lời giải chi tiết:**  
**Bài tham khảo**  
I find Option 1, the exhibition showcasing West London in photos spanning 50 years of London street life, particularly intriguing. This exhibit promises a unique and captivating perspective on British culture by immersing visitors in the visual narrative of the city's history and the dynamic cultural changes it has experienced. Exploring the daily lives of Londoners through the lens of skilled photographers offers an authentic and immersive experience.  
While Option 2, featuring objects that shaped a nation, piques my interest, I believe that the power of photography lies in its ability to convey a broader and more evocative cultural story. Photographs have the unique capability of telling intricate tales and reflecting the essence of a community over an extended period.  
While Option 3, highlighting contemporary British artists, is undoubtedly appealing, it may not provide the historical context we seek to understand British culture comprehensively. Therefore, my preference leans towards Option 1, as it seems to be the most promising choice for gaining insights into the cultural evolution of West London, skillfully captured through the lenses of talented photographers.  
**Tạm dịch**  
*Tôi thấy Lựa chọn 1, triển lãm giới thiệu Tây London qua những bức ảnh trải dài 50 năm cuộc sống đường phố ở London, đặc biệt hấp dẫn. Triển lãm này hứa hẹn một góc nhìn độc đáo và quyến rũ về văn hóa Anh bằng cách khiến du khách đắm chìm trong câu chuyện trực quan về lịch sử của thành phố và những thay đổi văn hóa năng động mà thành phố đã trải qua. Khám phá cuộc sống hàng ngày của người dân London qua lăng kính của các nhiếp ảnh gia lành nghề mang đến trải nghiệm chân thực và phong phú.*  
*Trong khi Lựa chọn 2, với những đồ vật hình thành nên một quốc gia, khơi gợi sự quan tâm của tôi, tôi tin rằng sức mạnh của nhiếp ảnh nằm ở khả năng truyền tải một câu chuyện văn hóa rộng hơn và gợi nhiều liên tưởng hơn. Những bức ảnh có khả năng độc đáo là kể những câu chuyện phức tạp và phản ánh bản chất của một cộng đồng trong một thời gian dài.*  
*Mặc dù Lựa chọn 3, nêu bật các nghệ sĩ đương đại của Anh, chắc chắn là hấp dẫn, nhưng nó có thể không cung cấp bối cảnh lịch sử mà chúng tôi muốn tìm hiểu một cách toàn diện về văn hóa Anh. Do đó, sở thích của tôi nghiêng về Tùy chọn 1, vì nó có vẻ là lựa chọn hứa hẹn nhất để hiểu rõ hơn về sự phát triển văn hóa của Tây London, được ghi lại một cách khéo léo qua ống kính của các nhiếp ảnh gia tài năng.*  
**Reading**  
**4. Read three texts connected with films and choose the correct answers.**  
*(Đọc ba đoạn văn có liên quan đến phim và chọn câu trả lời đúng.)*  
**56 Up**  
On ITV tonight, there's another chance to see part of the latest documentary in the **Up** series. Since the first instalment in 1964, director Michael Apted has been following the lives of fourteen British citizens from all walks of life, catching up with them every seven years to see what has changed. The participants were first filmed aged seven, when their social differences were already noticeable: some were living in children's homes while others were attending expensive private schools. The aim of the documentary has been to explore the idea that a child's future is already decided by the time he or she is seven years old. To find out how far the theory is true, you will have to watch tonight's programme, which shows the participants aged 56. Viewers who have seen the previous documentary may be in for some surprises!  
**1** The author of the text wants to  
a encourage readers to watch a TV programme.  
b find out if children's backgrounds affect their futures.  
c explore the differences between the classes in the UK.  
**Tạm dịch**  
*56 Up*  
*Trên ITV tối nay, có một cơ hội khác để xem một phần của bộ phim tài liệu mới nhất trong loạt phim Up. Kể từ phần đầu tiên vào năm 1964, đạo diễn Michael Apted đã theo dõi cuộc sống của 14 công dân Anh thuộc mọi tầng lớp xã hội, theo dõi họ bảy năm một lần để xem điều gì đã thay đổi. Những người tham gia được quay phim lần đầu tiên vào lúc 7 tuổi, khi sự khác biệt xã hội của họ đã lộ rõ: một số sống trong nhà trẻ trong khi những người khác đang theo học tại các trường tư đắt tiền. Mục đích của bộ phim tài liệu này là khám phá ý tưởng rằng tương lai của một đứa trẻ đã được quyết định khi trẻ lên 7 tuổi. Để biết lý thuyết này đúng đến mức nào, bạn sẽ phải xem chương trình tối nay, chiếu những người tham gia ở độ tuổi 56. Những khán giả đã xem bộ phim tài liệu trước đó có thể sẽ ngạc nhiên!*  
**Lời giải chi tiết:**  
**1** The author of the text wants to  
*(Tác giả của văn bản muốn)*  
a encourage readers to watch a TV programme.  
*(khuyến khích độc giả xem một chương trình truyền hình.)*  
b find out if children's backgrounds affect their futures.  
*(tìm hiểu xem hoàn cảnh của trẻ em có ảnh hưởng đến tương lai của chúng hay không.)*  
c explore the differences between the classes in the UK.  
*(khám phá sự khác biệt giữa các tầng lớp ở Anh.)*  
Thông tin: “On ITV tonight, there's another chance to see part of the latest documentary in the **Up** series. - Viewers who have seen the previous documentary may be in for some surprises!”  
*(Trên ITV tối nay, có một cơ hội khác để xem một phần của bộ phim tài liệu mới nhất trong loạt phim Up. - Những khán giả đã xem bộ phim tài liệu trước đó có thể sẽ ngạc nhiên!)*  
**=> Chọn a**  
**4DX: THE ULTIMATE CINEMA EXPERIENCE**  
If you thought 3D films were the latest in the world of cinema, then it's time for you to think again. A UK cinema chain is currently investing millions in new technology to bring 4DX films to their screens. The audience will sit in seats that move forwards and backwards and from side to side to simulate the action on screen. Meanwhile, water, air and smoke will be used to provide the rain, wind and fog of weather conditions, and special lighting will be used to create a storm. Aromas such as coffee will be pumped into the cinema to complete the experience, which will result in the audience being much closer to the drama in the film. The company's first 4DX cinema, complete with a curved screen measuring 10.5 m by 5.8 m, is already open for bookings.  
**Tạm dịch**  
*4DX: TRẢI NGHIỆM ĐIỆN ẢNH TUYỆT VỜI*  
*Nếu bạn nghĩ phim 3D là loại phim mới nhất trong thế giới điện ảnh thì đã đến lúc bạn phải suy nghĩ lại. Một chuỗi rạp chiếu phim ở Anh hiện đang đầu tư hàng triệu USD vào công nghệ mới để đưa phim 4DX lên màn ảnh của họ. Khán giả sẽ ngồi ở những chiếc ghế di chuyển tới lui, từ bên này sang bên kia để mô phỏng hành động trên màn hình. Trong khi đó, nước, không khí và khói sẽ được sử dụng để cung cấp mưa, gió và sương mù cho các điều kiện thời tiết và ánh sáng đặc biệt sẽ được sử dụng để tạo ra bão. Những hương thơm như cà phê sẽ được bơm vào rạp chiếu phim để trọn vẹn trải nghiệm, điều này sẽ khiến khán giả đến gần hơn với kịch tính trong phim. Rạp chiếu phim 4DX đầu tiên của công ty, hoàn chỉnh với màn hình cong có kích thước 10,5 m x 5,8 m, đã mở cửa nhận đặt chỗ.*  
**2** What is remarkable about the new technology?  
*(Công nghệ mới có gì đáng chú ý?)*  
a The films will be shown in 3D.  
*(Các bộ phim sẽ được trình chiếu dưới dạng 3D.)*  
b The special effects will appeal to more of the senses.  
*(Các hiệu ứng đặc biệt sẽ thu hút nhiều giác quan hơn.)*  
c The audience will take part in the action.  
*(Khán giả sẽ tham gia vào hành động.)*  
Thông tin: “The audience will sit in seats that move forwards and backwards and from side to side to simulate the action on screen. Meanwhile, water, air and smoke will be used to provide the rain, wind and fog of weather conditions, and special lighting will be used to create a storm. Aromas such as coffee will be pumped into the cinema”  
*(Khán giả sẽ ngồi ở những chiếc ghế di chuyển tới lui, từ bên này sang bên kia để mô phỏng hành động trên màn hình. Trong khi đó, nước, không khí và khói sẽ được sử dụng để cung cấp mưa, gió và sương mù cho các điều kiện thời tiết và ánh sáng đặc biệt sẽ được sử dụng để tạo ra bão. Những hương thơm như cà phê sẽ được bơm vào rạp chiếu phim)*  
**=> Chọn b**  
**Becoming a film extra**  
If you want to get into acting, then working as a film extra can help you on your way. Like any job, it can take a little while to find the first one. The best way to go about it is to register with an online extras directory. Complete your profile with details about your appearance, personality and experience, and send in some photos of yourself in natural poses. Check the adverts on the site regularly and apply for any that seem interesting. Once you get your first job, make sure you turn up on time and find your contact person immediately. Pay attention at all times and follow the directions of the film crew. Being an extra requires a lot of patience, but it also gives you valuable experience, a little cash and maybe a chance to meet some of the stars.  
**Tạm dịch**  
*Trở thành một diễn viên phụ*  
*Nếu bạn muốn tham gia diễn xuất, thì việc đóng phim phụ có thể giúp ích cho bạn trên con đường của mình. Giống như bất kỳ công việc nào, có thể mất một chút thời gian để tìm được công việc đầu tiên. Cách tốt nhất để làm điều đó là đăng ký với một thư mục bổ sung trực tuyến. Hoàn thiện hồ sơ của bạn với các chi tiết về ngoại hình, tính cách và kinh nghiệm của bạn, đồng thời gửi một số bức ảnh của bạn trong tư thế tự nhiên. Hãy kiểm tra các quảng cáo trên trang web thường xuyên và đăng ký bất kỳ quảng cáo nào có vẻ thú vị. Khi bạn nhận được công việc đầu tiên, hãy đảm bảo bạn có mặt đúng giờ và tìm người liên hệ ngay lập tức. Luôn chú ý và làm theo sự chỉ dẫn của đoàn làm phim. Làm vai phụ đòi hỏi rất nhiều kiên nhẫn nhưng nó cũng mang lại cho bạn kinh nghiệm quý giá, một ít tiền mặt và có thể là cơ hội gặp gỡ một số ngôi sao.*  
**3** The purpose of the text is to  
*(Mục đích của văn bản là)*  
a explain what film extras have to do.  
*(giải thích những gì diễn viên phụ của phim phải làm.)*  
b provide a list of requuirements to be a film extra.  
*(cung cấp danh sách các yêu cầu để được làm diễn viên phụ.)*  
c give advice on finding work as a film extra.  
*(cho lời khuyên về việc tìm việc làm diễn viên phụ.)*  
Thông tin: “Like any job, it can take a little while to find the first one. The best way to go about it is to register with an online extras directory.”  
*(Giống như bất kỳ công việc nào, có thể mất một chút thời gian để tìm được công việc đầu tiên. Cách tốt nhất để làm điều đó là đăng ký với một thư mục bổ sung trực tuyến.)*  
**=> Chọn c**  
  
**Grammar and vocabulary**  
**5. Choose the correct answers.**  
*(Chọn những đáp án đúng.)*  
Bibliotherapy: a novel idea  
We often think of novels as places in **1\_\_\_\_\_\_** to lose ourselves, but the truth is that reading can have a much more far-reaching effect. If you find **2\_\_\_\_\_\_** in trouble, there's always a book to remind you that others have been there before. It's just a question of finding the right book. And that is where bibliotherapy comes in: the use of books to help people deal with their problems, whatever they **3\_\_\_\_\_\_** be. The treatment has become more **4\_\_\_\_\_\_** more common in recent years, and today it is practised **5\_\_\_\_\_\_** psychologists - and librarians - all over the world. There is also scientific evidence in favour of the technique. Researchers at Sussex University in the UK have found that reading is a more effective way of relieving stress than listening to music, going for a walk or sitting down **6\_\_\_\_\_\_** with a cup of tea. After just six minutes with a book - any book - the people in the study found their stress levels **7\_\_\_\_\_\_** reduced by up to 68%. This suggests that the therapy could help people **8\_\_\_\_\_\_** lives have become meaningless leading them to fall into depression. If they have the right book recommended to **9\_\_\_\_\_\_**, they may get over their illness quicker. Bibliotherapy can certainly **10\_\_\_\_\_\_** no harm. At the very least, a patient will discover some great new titles to read.  
  
   
  
1 a where  
b which  
c who  
  
   
  
2 a you  
b your  
c yourself  
  
   
  
3 a can  
b may  
c will  
  
   
  
4 a and  
b in  
c than  
  
   
  
5 a by  
b for  
c of  
  
   
  
6 a anywhere  
b everywhere  
c somewhere  
  
   
  
7 a are  
b been  
c were  
  
   
  
8 a which  
b whose  
c who  
  
   
  
9 a themselves  
b they  
c them  
  
   
10 a do  
b make  
c take  
**Lời giải chi tiết:**  
  
**1. b**  
a where: nơi mà  
b which: cái mà  
c who: người mà  
“in which” = “where”: nơi mà  
We often think of novels as places in **which** to lose ourselves,  
*(Chúng ta thường nghĩ tiểu thuyết là nơi để thả mình vào đó,)*  
**=> Chọn b**  
**2. c**  
a you: chủ ngữ, đứng trước động từ *(bạn)*  
b your: tính từ sở hữu, đứng trước danh từ *(của bạn)*  
c yourself: đại từ phản thân *(chính bạn)*  
If you find **yourself** in trouble, there's always a book to remind you that others have been there before.  
*(Nếu bạn thấy mình gặp rắc rối, luôn có một cuốn sách nhắc nhở bạn rằng trước đây đã có người khác từng gặp phải.)*  
**=> Chọn c**  
**3. b**  
a can: có thể  
b may: có lẽ  
c will: sẽ  
the use of books to help people deal with their problems, whatever they **may** be.  
*(việc sử dụng sách để giúp mọi người giải quyết các vấn đề của họ, bất kể vấn đề đó là gì.)*  
**=> Chọn b**  
**4. a**  
a and: và  
b in: trong  
c than: hơn  
The treatment has become more **and** more common in recent years,  
*(Việc điều trị ngày càng trở nên phổ biến trong những năm gần đây,)*  
**=> Chọn a**  
**5. a**  
a by: bởi  
b for: cho  
c of: của  
and today it is practised **by** psychologists - and librarians - all over the world.  
*(và ngày nay nó được thực hành bởi các nhà tâm lý học - và các thủ thư - trên khắp thế giới.)*  
**=> Chọn a**  
**6. c**  
a anywhere: bất cứ đâu  
b everywhere: mọi nơi  
c somewhere: đâu đó  
Researchers at Sussex University in the UK have found that reading is a more effective way of relieving stress than listening to music, going for a walk or sitting down **somewhere** with a cup of tea.  
*(Các nhà nghiên cứu tại Đại học Sussex ở Anh đã phát hiện ra rằng đọc sách là cách giải tỏa căng thẳng hiệu quả hơn là nghe nhạc, đi dạo hay ngồi đâu đó với một tách trà.)*  
**=> Chọn c**  
**7. c**  
Cấu trúc thì quá khứ đơn chủ ngữ số nhiều ở dạng khẳng định với động từ tobe: S + were.  
After just six minutes with a book - any book - the people in the study found their stress levels **were** reduced by up to 68%.  
*(Chỉ sau sáu phút đọc một cuốn sách - bất kỳ cuốn sách nào - những người tham gia nghiên cứu nhận thấy mức độ căng thẳng của họ đã giảm tới 68%.)*  
**=> Chọn c**  
**8. b**  
a which: cái mà  
b whose: người mà có  
c who: người mà  
This suggests that the therapy could help people **whose** lives have become meaningless leading them to fall into depression.  
*(Điều này cho thấy liệu pháp này có thể giúp những người có cuộc sống trở nên vô nghĩa khiến họ rơi vào trầm cảm.)*  
**=> Chọn b**  
**9. c**  
a themselves: đại từ phản thân *(chính họ)*  
b they: chủ ngữ, đứng trước đông từ *(họ)*  
c them: tân ngữ, đứng sau giới từ hoặc động từ *(họ)*  
If they have the right book recommended to **them**, they may get over their illness quicker.  
*(Nếu họ được giới thiệu cuốn sách phù hợp, họ có thể khỏi bệnh nhanh hơn.)*  
**=> Chọn c**  
**10. a**  
a do (v): làm  
b make (v): làm ra  
c take (v): lấy  
Cụm từ “do no harm” *(không gây hại)*  
Bibliotherapy can certainly **do** no harm.  
*(Liệu pháp đọc sách chắc chắn không gây hại gì.)*  
**=> Chọn a**  
**Bài hoàn chỉnh**  
Bibliotherapy: a novel idea  
We often think of novels as places in **which** to lose ourselves, but the truth is that reading can have a much more far-reaching effect. If you find **yourself** in trouble, there's always a book to remind you that others have been there before. It's just a question of finding the right book. And that is where bibliotherapy comes in: the use of books to help people deal with their problems, whatever they **may** be. The treatment has become more **and** more common in recent years, and today it is practised **by** psychologists - and librarians - all over the world. There is also scientific evidence in favour of the technique. Researchers at Sussex University in the UK have found that reading is a more effective way of relieving stress than listening to music, going for a walk or sitting down **somewhere** with a cup of tea. After just six minutes with a book - any book - the people in the study found their stress levels **were** reduced by up to 68%. This suggests that the therapy could help people **whose** lives have become meaningless leading them to fall into depression. If they have the right book recommended to **them**, they may get over their illness quicker. Bibliotherapy can certainly **do** no harm. At the very least, a patient will discover some great new titles to read.  
**Tạm dịch**  
*Liệu pháp đọc sách: một ý tưởng mới lạ*  
*Chúng ta thường nghĩ tiểu thuyết là nơi để thả mình vào đó, nhưng sự thật là việc đọc có thể có tác dụng sâu rộng hơn nhiều. Nếu bạn thấy mình gặp rắc rối, luôn có một cuốn sách nhắc nhở bạn rằng trước đây đã có người khác từng gặp phải. Vấn đề chỉ là tìm đúng cuốn sách mà thôi. Và đó chính là lúc liệu pháp đọc sách xuất hiện: việc sử dụng sách để giúp mọi người giải quyết các vấn đề của họ, bất kể vấn đề đó là gì. Việc điều trị ngày càng trở nên phổ biến trong những năm gần đây và ngày nay nó được các nhà tâm lý học - và các thủ thư - trên khắp thế giới thực hiện. Ngoài ra còn có bằng chứng khoa học ủng hộ kỹ thuật này. Các nhà nghiên cứu tại Đại học Sussex ở Anh đã phát hiện ra rằng đọc sách là cách giải tỏa căng thẳng hiệu quả hơn là nghe nhạc, đi dạo hay ngồi đâu đó với một tách trà. Chỉ sau sáu phút đọc một cuốn sách - bất kỳ cuốn sách nào - những người tham gia nghiên cứu nhận thấy mức độ căng thẳng của họ đã giảm tới 68%. Điều này cho thấy liệu pháp này có thể giúp những người có cuộc sống trở nên vô nghĩa khiến họ rơi vào trầm cảm. Nếu họ được giới thiệu cuốn sách phù hợp, họ có thể khỏi bệnh nhanh hơn. Liệu pháp đọc sách chắc chắn không gây hại gì. Ít nhất, bệnh nhân sẽ khám phá ra một số tựa sách mới hay để đọc.*  
**Writing**  
**6. Your teacher has asked you to write a film review for the school magazine. Write your review describing the film and say what you liked and did not like about it.**  
*(Giáo viên của bạn đã yêu cầu bạn viết bài phê bình phim cho tạp chí của trường. Viết bài đánh giá của bạn mô tả bộ phim và nói những gì bạn thích và không thích về nó.)*  
**Lời giải chi tiết:**  
**Bài tham khảo**  
"Beyond the Horizon" - A Cinematic Masterpiece  
"Beyond the Horizon," directed by the visionary filmmaker Delphine Lehericey, is a cinematic triumph that immerses audiences in a visually stunning and emotionally charged narrative. The film showcases breathtaking cinematography, expertly bringing the story to life.  
The standout performances of lead actors add depth and authenticity to their characters, elevating the emotional impact of the film. The screenplay skillfully balances tension, emotion, and unexpected twists, creating a truly engaging narrative.  
While the film excels in many aspects, there are minor pacing issues in certain scenes and underexplored subplots. Despite these, "Beyond the Horizon" remains a must-watch, leaving a lasting impression with its remarkable visuals, stellar performances, and impactful storytelling. Delphine Lehericey has created a cinematic gem that not only entertains but also challenges and resonates with its audience.  
**Tạm dịch**  
*“Beyond the Horizon” - Kiệt tác điện ảnh*  
*“Beyond the Horizon,” do nhà làm phim có tầm nhìn xa trông rộng Delphine Lehericey đạo diễn, là một thành công điện ảnh khiến khán giả đắm chìm trong một câu chuyện có hình ảnh ấn tượng và giàu cảm xúc. Bộ phim sử dụng kỹ thuật quay phim ngoạn mục, đưa câu chuyện vào cuộc sống một cách chuyên nghiệp.*  
*Diễn xuất nổi bật của các diễn viên chính tạo thêm chiều sâu và tính chân thực cho nhân vật của họ, nâng cao tác động cảm xúc của bộ phim. Kịch bản đã khéo léo cân bằng sự căng thẳng, cảm xúc và những tình tiết bất ngờ, tạo nên một câu chuyện thực sự hấp dẫn.*  
*Mặc dù bộ phim vượt trội về nhiều mặt nhưng vẫn có một số vấn đề nhỏ về nhịp độ ở một số cảnh nhất định và các tình tiết phụ chưa được khám phá. Bất chấp những điều này, "Beyond the Horizon" vẫn là một bộ phim phải xem, để lại ấn tượng lâu dài nhờ hình ảnh vượt trội, màn trình diễn xuất sắc và cách kể chuyện đầy sức ảnh hưởng. Delphine Lehericey đã tạo ra một viên ngọc điện ảnh không chỉ mang tính giải trí mà còn thách thức và gây được tiếng vang với khán giả.*  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
**Cumulative Review 1 (Units I-1)**  
**Cumulative Review 2 (Units I-3)**  
**Cumulative Review 3 (Units I-5)**  
**Cumulative Review 5 (Units I-8)**  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 11 sách Friends Global hay khác:**  
Unit 4: Home  
Unit 5: Technology  
Unit 6: High flyers  
Unit 7: Artists  
Unit 8: Cities